TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 22 – 3 - 2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Bà Võ Thị Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hiển – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 495/2022/TLST - HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết D đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐST - HNGĐ ngày 10/02/2023 và Quyết D hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST – HNGĐ ngày 06/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị Phi P, sinh năm 1992 (vắng mặt – có đơn)

Địa chỉ: ấp H, xã S, huyện C, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Trương Văn D, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lương Thị Phi P trình bày:

Chị và anh Trương Văn D cưới nhau năm 2011 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh B ngày 24/02/2017. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2020 thì phát

sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh D có tính vô tâm, xem trọng bạn bè hơn vợ con nên khi đi xà lang về thì hay tụ tập bạn bè nhậu nhẹt chứ không dành thời gian cho vợ con, tiền đi làm có được thì tiêu xài hoang phí chị có khuyên nhưng không được, vì con chị cũng cố gắng sống với anh D nhưng khi chị phát hiện anh D không chung thủy thì chị có nói với mẹ chồng mong mẹ chồng khuyên anh D nhưng mẹ chồng có thái độ bênh vực anh D nên chị rất buồn. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh D, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh D nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh D có một con chung là cháu Trương Ánh D, sinh ngày 14/3/2017, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh Trương Văn D không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị P, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phát biểu quan điểm*:

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Phi P được ly hôn với anh Trương Văn D.

+ Về con chung: Giao con chung Trương Ánh D, sinh ngày 14/3/2017 cho chị P tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận D:

Về tố tụng: Bị đơn anh Trương Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh D vắng mặt không lý do. Nguyên đơn chị Lương Thị Phi P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P và anh D.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị P và anh D cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy D tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh B ngày 24/02/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Do đó, hôn nhân của chị P và anh D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hòa giải, hàn gắn được nên chị P yêu cầu ly hôn với anh D. Theo kết quả xác minh của Tòa án thì mẹ ruột của anh D là bà Nguyễn Thị Thiềm cung cấp thông tin là khi chị P nộp đơn ly hôn với anh D thì bà Thiềm có khuyên chị P suy nghĩ lại nhưng chị P vẫn kiên quyết ly hôn. Về phía anh D thì anh D biết việc chị P yêu cầu ly hôn với anh nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với chị P. Điều đó thể hiện anh D đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị P và anh D là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị P với anh D là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị P và anh D có một con chung là Trương Ánh D, sinh ngày 14/3/2017. Hiện con chung đang sống cùng chị P. Xét yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị P là có cơ sở, đảm bảo được sự ổn định cho cuộc sống, việc học hành cũng như tâm sinh lý của con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cháu Ánh D cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Lương Thị Phi P phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lương Thị Phi P ly hôn với anh Trương Văn D. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 19/2017 ngày 24/02/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh B chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Chị Lương Thị Phi P có quyền trực tiếp nuôi con chung Trương Ánh D, sinh ngày 14/3/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Lương Thị Phi P phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008752 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị P đã nộp xong.

Chị Lương Thị Phi P, anh Trương Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Lâm